

PHẦN II. CÁC VĂN BẢN KHÁC**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ****THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2065/QĐ-TTg

*Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2010***QUYẾT ĐỊNH****Phê duyệt Quy hoạch cấp nước Vùng kinh tế trọng điểm
vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020****THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch cấp nước vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020:

1. Phạm vi quy hoạch:

- Phạm vi nghiên cứu: 7 tỉnh, thành phố phía Tây Nam sông Hậu thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long bao gồm: thành phố Cần Thơ, các tỉnh An Giang, Kiên Giang, Cà Mau, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Hậu Giang.

- Phạm vi lập quy hoạch: vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long bao gồm ranh giới hành chính của 4 tỉnh, thành phố: thành phố Cần Thơ, các tỉnh: An Giang, Kiên Giang, Cà Mau với tổng diện tích tự nhiên 16.617 km².

2. Quan điểm quy hoạch:

- Quy hoạch xây dựng cấp nước vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, Quy hoạch xây dựng vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050, Định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch chuyên ngành khác có liên quan của vùng, tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Phát triển hoạt động cấp nước bền vững trên cơ sở khai thác tối ưu mọi nguồn lực, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch cho nhân dân và phục vụ sản xuất, kinh doanh; cung cấp nước ổn định, bảo đảm chất lượng, dịch vụ tốt và hiệu quả kinh tế - xã hội.

- Khai thác, sản xuất và cung cấp nước sạch không phụ thuộc vào địa giới hành chính. Ưu tiên khai thác nguồn nước mặt, sử dụng và khai thác hợp lý nguồn nước ngầm, từng bước giảm lưu lượng khai thác nguồn nước ngầm.

- Sử dụng công nghệ, thiết bị ngành cấp nước phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương, ưu tiên áp dụng công nghệ và thiết bị hiện đại, tiết kiệm năng lượng.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế trong nước tham gia đầu tư xây dựng và quản lý vận hành hệ thống cấp nước nhằm đáp ứng các nhu cầu sử dụng nước.

3. Mục tiêu quy hoạch:

- Cụ thể hóa định hướng cấp nước trong Quy hoạch xây dựng vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025, có xem xét đến ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

- Xác định nhu cầu dùng nước của các đô thị, khu công nghiệp và khu dân cư nông thôn trong khu vực; khả năng khai thác của các nguồn nước (nước ngầm, nước mặt); định hướng phương án khai thác và phát triển hợp lý hệ thống cấp nước đô thị của vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long bảo đảm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước từng giai đoạn.

4. Nội dung quy hoạch:

a) Tiêu chuẩn cấp nước:

Căn cứ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành:

- Giai đoạn đến năm 2015:

+ Đối với các đô thị từ loại III trở lên, tiêu chuẩn cấp nước 120 lít/người/ngày đêm, tỷ lệ dân cư được cung cấp nước sạch đạt 90%.

+ Đối với các đô thị loại IV và V, tiêu chuẩn cấp nước 100 lít/người/ngày đêm, tỷ lệ dân cư được cung cấp nước sạch đạt 85%.

+ Các khu công nghiệp chọn tiêu chuẩn cấp nước 25 - 40 m³/ha/ngày đêm.

+ Khu vực dân cư nông thôn sống tập trung, tiêu chuẩn cấp nước 80 lít/người/ngày đêm, tỷ lệ dân cư được cấp nước sạch đạt 60%.

+ Tỷ lệ thất thoát thất thu nước sạch bình quân thấp hơn 25%.

- Giai đoạn đến năm 2020:

+ Đối với các đô thị, tiêu chuẩn cấp nước là 120 lít/người/ngày đêm, tỷ lệ dân cư được cấp nước sạch đạt 100%.

+ Các khu công nghiệp chọn tiêu chuẩn cấp nước 40 m³/ha/ngày đêm.

+ Khu vực dân cư nông thôn sống tập trung, tiêu chuẩn cấp nước 80 - 100 lít/người/ngày đêm tỷ lệ dân cư được cấp nước sạch đạt 100%.

+ Tỷ lệ thất thoát thất thu nước sạch bình quân thấp hơn 18%.

b) Công nghệ xử lý nước:

Căn cứ điều kiện cụ thể của địa phương để áp dụng công nghệ và thiết bị lĩnh vực cấp nước phù hợp; ưu tiên áp dụng công nghệ và thiết bị hiện đại, chất lượng cao, tiết kiệm năng lượng được sản xuất trong nước.

Từng bước cải tạo, nâng cấp, thay thế thiết bị cho các nhà máy hiện có nhằm đáp ứng yêu cầu giảm thất thoát nước, giảm chi phí về năng lượng, hóa chất và vận hành.

c) Dự báo nhu cầu sử dụng nước Vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long:

- Đến năm 2015:

STT	Tỉnh - Thành phố	Nhu cầu sử dụng nước đến năm 2015			
		Sinh hoạt (m ³ /ngày đêm)		Công nghiệp (m ³ /ngày đêm)	Tổng cộng (m ³ /ngày đêm)
		Nông thôn	Đô thị		
1	Thành phố Cần Thơ	17.680	145.757	63.808	227.245
2	Tỉnh An Giang	35.100	125.658	6.944	167.702
3	Tỉnh Kiên Giang	27.040	168.329	2.800	198.169
4	Tỉnh Cà Mau	24.700	91.519	36.932	153.151
	Tổng cộng	104.520	531.263	110.484	746.267

- Đến năm 2020:

STT	Tỉnh - Thành phố	Nhu cầu sử dụng nước đến năm 2020			
		Sinh hoạt (m ³ /ngày đêm)		Công nghiệp (m ³ /ngày đêm)	Tổng cộng (m ³ /ngày đêm)
		Nông thôn	Đô thị		
1	Thành phố Cần Thơ	52.000	207.798	231.808	491.606
2	Tỉnh An Giang	135.200	175.776	13.344	324.320
3	Tỉnh Kiên Giang	25.480	260.904	136.000	422.384
4	Tỉnh Cà Mau	37.440	137.442	54.464	229.346
	Tổng cộng	250.120	781.920	435.616	1.467.656

d) Quy hoạch cấp nước vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long:

- Nguồn nước:

Nguồn cấp nước chính là nước mặt từ sông Hậu. Điểm lấy nước phía thượng nguồn sông Hậu cách biển từ 30 km đến 50 km, trên cơ sở bảo đảm tính ổn định, không bị nhiễm phèn, nhiễm mặn.

Nguồn nước ngầm chỉ khai thác cục bộ với quy mô nhỏ như hiện nay để cấp nước cho thành phố Cà Mau và một số thị trấn trong vùng. Sau năm 2020, không khai thác nguồn nước ngầm.

- Quy hoạch nhà máy nước vùng liên tỉnh

+ Vùng Kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long dự kiến xây dựng ba nhà máy nước vùng liên tỉnh:

TT	Công trình	Vị trí	Công suất dự kiến	Nguồn nước	Phạm vi phục vụ
1	Nhà máy nước sông Hậu I	Khu vực Tân Thành, thành phố Cần Thơ	- Giai đoạn I: 500.000 m ³ /ngđ, - Giai đoạn II: 1.000.000 m ³ /ngđ	Sông Hậu	Thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng; hành lang Tây sông Hậu và hỗ trợ phía Bắc sông Hậu (Bến Tre, Trà Vinh)

TT	Công trình	Vị trí	Công suất dự kiến	Nguồn nước	Phạm vi phục vụ
2	Nhà máy nước sông Hậu II	Khu vực Châu Thành, tỉnh An Giang	- Giai đoạn I: 1.000.000 m ³ /ngđ, - Giai đoạn II: 2.000.000 m ³ /ngđ	Sông Hậu	Vùng KTTĐ (Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang và Cà Mau) và một phần Hậu Giang, Bạc Liêu
3	Nhà máy nước sông Hậu III	Khu vực Châu Đốc, tỉnh An Giang	- Giai đoạn I: 200.000 m ³ /ngđ, - Giai đoạn II: 500.000 m ³ /ngđ	Sông Hậu	Tỉnh An Giang và Kiên Giang, tập trung cho các đô thị dọc biên giới Tây Nam

+ Mạng lưới đường ống chuyển tải vùng liên tỉnh: xây dựng mạng lưới đường ống chuyển tải từ các nhà máy nước vùng liên tỉnh tới các đô thị lớn của các tỉnh Vùng kinh tế trọng điểm và ba tỉnh: Sóc Trăng, Bạc Liêu, Hậu Giang. Các đường ống chuyển tải có đường kính từ 600 - 2000 mm.

- Quy hoạch nhà máy nước vùng tỉnh:

Tại các tỉnh, thành phố tập trung đầu tư các nhà máy nước vùng tỉnh phục vụ cho các đô thị và khu vực lân cận.

TT	Công trình	Công suất (m ³ /ngày đêm)		
		Hiện tại	2015	2020
I	Thành phố Cần Thơ			
1	Nhà máy nước Cần Thơ 1	50.000	50.000	50.000
2	Nhà máy nước Cần Thơ 2	40.000	80.000	80.000
3	Nhà máy nước Trà Nóc	10.000	10.000	10.000
4	Nhà máy nước Hưng Phú	10.000	10.000	10.000
5	Nhà máy nước Cờ Đỏ		15.000	15.000
II	Tỉnh An Giang			
6	Nhà máy nước Bình Đức thành phố Long Xuyên	38.000	70.000	70.000
7	Nhà máy nước thị xã Châu Đốc	16.000	20.000	20.000

TT	Công trình	Công suất (m ³ /ngày đêm)		
		Hiện tại	2015	2020
III	Tỉnh Kiên Giang			
8	Nhà máy nước Rạch Giá	35.000	45.000	45.000
9	Nhà máy nước Hà Tiên	8.000	16.000	16.000
10	Nhà máy nước Phú Quốc	5.000	15.000	15.000
IV	Tỉnh Cà Mau			
11	Nhà máy nước thành phố Cà Mau	28.000	50.000	50.000

5. Phân kỳ đầu tư:

- Giai đoạn đến năm 2015:

+ Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch, dự án cấp nước tại các tỉnh trong vùng phù hợp với Quy hoạch cấp nước Vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020.

+ Tiếp tục thực hiện các dự án đầu tư xây dựng nhà máy nước vùng tỉnh và mạng lưới đường ống cấp nước theo kế hoạch tại các đô thị bảo đảm đáp ứng các nhu cầu sử dụng nước trên địa bàn.

+ Tập trung nguồn vốn xây dựng hoàn chỉnh và nâng cấp mạng lưới đường ống cấp nước hiện hữu tại các đô thị, khu công nghiệp. Tăng hiệu quả hệ thống cấp nước hiện có.

- Giai đoạn từ 2015 - 2020:

Chuẩn bị đầu tư xây dựng các nhà máy nước và mạng lưới đường ống chuyên tải nước sạch vùng liên tỉnh:

+ Nhà máy nước sông Hậu I, khu vực Tân Thành thành phố Cần Thơ.

+ Nhà máy nước sông Hậu II khu vực Châu Thành tỉnh An Giang. Tăng công suất trạm bơm I phục vụ cho nhà máy nước sông Hậu I trường hợp nước mặn xâm nhập vượt qua Cần Thơ.

+ Nhà máy nước sông Hậu III khu vực Châu Đốc tỉnh An Giang.

+ Mạng lưới đường ống chuyên tải nước sạch theo các trục hành lang phát triển (Quốc lộ 1, 80, 61, 63, Đường Xuyên Á phía Nam...).

6. Nguồn vốn đầu tư:

Nguồn vốn để đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước:

- Vốn ngân sách nhà nước;
- Vốn ODA, vốn tài trợ nước ngoài;
- Vốn tín dụng đầu tư;
- Vốn từ các nhà đầu tư trong, ngoài nước;
- Các nguồn vốn hợp pháp khác.

7. Đánh giá môi trường chiến lược

- Dự báo tác động môi trường khi thực hiện quy hoạch:

+ Khai thác nguồn nước phục vụ nhu cầu sinh hoạt và công nghiệp làm giảm nguồn nước dùng cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản; ảnh hưởng lưu lượng dòng chảy của sông, có thể dẫn đến ảnh hưởng xâm nhập mặn và thay đổi hệ sinh thái.

+ Trong quá trình xây dựng nhà máy nước và các tuyến ống chuyên tải có thể gây ra ách tắc giao thông và gây ồn, ô nhiễm môi trường khu vực, đặc biệt ở dọc các tuyến đường quốc lộ.

+ Trong giai đoạn quản lý vận hành cấp nước có thể xảy ra rò rỉ mạng lưới đường ống ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và lưu lượng nước trên địa bàn.

- Các biện pháp giảm thiểu tác động tới môi trường:

+ Giải pháp thiết kế, công nghệ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường sinh thái và nguồn nước.

- + Trong giai đoạn xây dựng:

. Xây dựng biện pháp thi công hợp lý, các giải pháp hạn chế thấp nhất các tác động đến môi trường.

. Các biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường không khí, tiếng ồn đối với các phương tiện vận chuyển, thi công cơ giới trên công trường và dọc tuyến đường vận chuyển.

- . Các biện pháp phòng chống sự cố trong quá trình xây dựng.

- + Trong giai đoạn quản lý vận hành:

. Nâng cao năng lực quản lý và vận hành nhà máy nước của đơn vị cấp nước.

. Xây dựng kế hoạch cấp nước an toàn và triển khai thực hiện.

. Xây dựng quy trình phòng ngừa, phát hiện và xử lý sự cố của hệ thống cấp nước sạch.

- + Các biện pháp hỗ trợ khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Xây dựng:

- Tổ chức công bố quy hoạch cấp nước Vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Hướng dẫn các địa phương rà soát, điều chỉnh các quy hoạch xây dựng, quy hoạch chuyên ngành cấp nước trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy hoạch cấp nước Vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Các Bộ, ngành liên quan:

Các Bộ, ngành căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được Chính phủ giao, phối hợp với Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong Vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long thực hiện Quy hoạch cấp nước Vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong các Vùng kinh tế trọng điểm:

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh các quy hoạch xây dựng, quy hoạch chuyên ngành cấp nước trên địa tỉnh phù hợp với Quy hoạch cấp nước Vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020 đã được phê duyệt.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế trong nước tham gia đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước tại địa phương.

Chỉ đạo tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân về bảo vệ đối với hệ thống cấp nước, vai trò của nước sạch đối với cuộc sống.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng, các Bộ có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc Vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Hoàng Trung Hải